

Số: 12/BC-SKHCN

Bình Dương, ngày 22 tháng 01 năm 2015

|                                  |                            |
|----------------------------------|----------------------------|
| SỞ KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI |                            |
| CÔNG<br>VĂN<br>ĐẾN               | Số 2570<br>Ngày 23/01/2015 |

## BÁO CÁO

### Kết quả hoạt động KH&CN giai đoạn 2011 – 2015, định hướng hoạt động giai đoạn 2016 - 2020

Căn cứ Công văn số 2466/SKHCN-KHTC ngày 30/12/2014 của Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai về báo cáo phục vụ Hội nghị giao ban KHCN vùng Đông Nam Bộ lần thứ XIII.

Sở Khoa học và Công nghệ Bình Dương báo cáo như sau:

#### A. Tình hình hoạt động KHCN giai đoạn 2011 – 2015

##### I. Kết quả triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về KHCN tại địa phương.

Căn cứ Luật khoa học và Công nghệ, trong năm 2012 tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định về Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Trong năm 2014, cũng đã soạn 06 dự thảo về quy định, quy chế có liên quan đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh, chuẩn bị trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong năm 2015. (Biểu mẫu 01)

#### II. Kết quả hoạt động KHCN

##### 1. Về hoạt động nghiên cứu khoa học – phát triển công nghệ (NCKH-PTCN)

Trong giai đoạn 2011 – 2014, số lượng đề tài, dự án do các tổ chức, cá nhân đề xuất và thực hiện là 50 nhiệm vụ cấp tỉnh.

Hiệu quả của hoạt động nghiên cứu ứng dụng được nâng cao, có sự gắn bó giữa hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KHCN với sản xuất và đời sống, nhu cầu xã hội, góp phần tạo ra sự chuyển biến về năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ.

##### 2. Về nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KHCN

Các nhiệm vụ KHCN hầu hết đều gắn với ứng dụng để giải quyết các vấn đề đặt ra từ thực tiễn đời sống, sản xuất và quản lý.

Khoa học xã hội và nhân văn tập trung nghiên cứu, đề xuất giải pháp giải quyết một số vấn đề bức xúc thuộc các lĩnh vực xã hội, văn hóa, nghệ thuật, lịch sử, khảo cổ, tôn giáo, kinh tế, giáo dục - đào tạo; cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn, phục vụ cho cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp cụ thể hóa chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý xã hội.

Khoa học kỹ thuật và công nghệ tập trung ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng các mô hình tiên bộ KHCN vào sản xuất và quản lý. Triển khai các chương trình KHCN hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động KHCN. Hỗ trợ 07 doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Sự hỗ trợ của Nhà nước từ các chương trình KHCN tuy không nhiều, nhưng có tác động lan rộng trong cộng đồng doanh nghiệp và xã hội.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, ngoài các dự án tham gia chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiên bộ KHCN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn do Bộ KHCN chủ trì, đã tổ chức nhiều lớp tập huấn và điểm trình diễn chuyển giao tiên bộ KHCN cho nông dân, góp phần nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi, chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong ngành nông nghiệp.

3. Những kết quả, thành tựu về lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong 5 năm qua (nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế ...)

Nhân rộng mô hình bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ tập thể từ kết quả dự án Xây dựng và phát triển NHTT Sơn mài Bình Dương, NHTT Bưởi Bạch Đằng đã có 03 tổ chức áp dụng mô hình quản lý và đã xác lập quyền đó là NHTT Gốm sứ Bình Dương, NHTT chăn nuôi Hiệp Lực Bình Dương, NHTT Hội Văn học nghệ thuật Bình Dương, NHTT Măng cụt Lái thiêu. Đặc biệt đối với NHTT Măng cụt Lái thiêu đã lập thành dự án cấp huyện: Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể Măng cụt Lái Thiêu. Đã đưa ra được các Quy chế và Quy trình quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể cho vùng măng cụt Lái Thiêu cho vùng Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Sau khi NHTT “Bưởi Bạch Đằng” “Sơn mài Bình Dương” “Măng cụt Lái thiêu” “Bánh tráng Thanh An” được Cục SHTT cấp văn bằng, chủ sở hữu tích cực tham gia các hoạt động quảng bá quảng cáo, tham dự chợ công nghệ thiết bị hàng năm, đem sản phẩm tham gia lễ hội trái cây vùng... do vậy sản phẩm đặc thù của Bình Dương đã được nhiều người biết đến. Tín hiệu này đã thu hút sự quan tâm của các hiệp hội khác muốn phát triển tài sản trí tuệ của họ, như “Hoa Lan Bình Dương”, “Bánh tráng Phú An”, “Rau sạch Thanh Hội”, “Bưởi Hiếu Liêm” là những sản phẩm đang áp dụng công nghệ cao để đưa những sản phẩm có giá trị ra thị trường. Đặc biệt sản phẩm văn hóa do Hội Văn học Nghệ thuật của tỉnh nhà cũng nộp đơn đăng ký NHTT.

Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015 đến 31/12/2014 đã hỗ trợ cho 162 tổ chức, cá nhân với 262 đơn (12 sáng chế, 27 kiểu dáng công nghiệp, 04 nhãn hiệu tập thể, 219 nhãn hiệu). Tổng số tiền hỗ trợ đến nay là 524,738 triệu đồng. Chương trình đã mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần tăng cường công tác quản lý, duy trì, bảo tồn và phát triển giá trị tài sản trí tuệ của các tổ chức, cá nhân của các địa phương; các cơ quan quản lý rất quan tâm đến các sản phẩm do ngành quản lý, do vậy khi xây dựng chiến lược phát triển các ngành đều đưa vào danh mục nội dung bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ vào chương trình, cụ thể chương trình khuyến công, chương trình khuyến nông và đề án phát triển du lịch sinh thái. Năm 2013 UBND tỉnh Bình Dương đã phê duyệt đề án “Phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù của địa phương đến năm 2015 định hướng đến năm 2020”, trong đó chỉ đạo xây dựng sản phẩm du lịch phải gắn xây dựng thương hiệu của sản phẩm.

Số lượng đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp của các chủ thể trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2011 - tháng 9/2014:

| Năm          | Nhãn hiệu | Kiểu dáng công nghiệp | Giải pháp hữu ích | Sáng chế | Tổng cộng |
|--------------|-----------|-----------------------|-------------------|----------|-----------|
| 2011         | 634       | 36                    | 5                 | 3        | 678       |
| 2012         | 879       | 49                    | 5                 | 7        | 940       |
| 2013         | 657       | 30                    | 2                 | 17       | 706       |
| Tháng 9/2014 | 565       | 31                    | 6                 | 4        | 606       |
| Tổng cộng    | 2.735     | 146                   | 18                | 31       | 2.930     |

Số lượng văn bằng cấp cho các chủ thể trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2011 - tháng 9/2014:

| Năm          | Nhãn hiệu | Kiểu dáng công nghiệp | Giải pháp hữu ích | Sáng chế | Tổng cộng |
|--------------|-----------|-----------------------|-------------------|----------|-----------|
| 2011         | 469       | 35                    | 0                 | 0        | 504       |
| 2012         | 499       | 29                    | 0                 | 1        | 529       |
| 2013         | 516       | 28                    | 1                 | 0        | 545       |
| Tháng 9/2014 | 489       | 26                    | 0                 | 0        | 515       |
| Tổng cộng    | 1.973     | 118                   | 1                 | 1        | 2.093     |

4. Những kết quả, thành tựu trong lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và giải thưởng chất lượng quốc gia trong 5 năm qua.

Hướng dẫn và tiếp nhận 260 hồ sơ của 114 lượt doanh nghiệp thực hiện công bố hợp chuẩn và hợp quy và hướng dẫn 78 doanh nghiệp thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm hàng hóa lưu thông trên thị trường.

Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước: Đã tổ chức 41 khóa đào tạo hệ thống quản lý chất lượng cho 3154 cán bộ, công chức và kiểm tra được 76 lượt/38 cơ quan đơn vị áp dụng HTQLCL trên địa bàn tỉnh Bình Dương (22/76 đơn vị áp dụng tốt chiếm 29,0%, 18/76 đơn vị áp dụng khá chiếm 24,0%, 20/76 đơn vị áp dụng trung bình chiếm 26,0 % và 16/76 đơn vị áp dụng yếu chiếm 21,0%). Toàn tỉnh hiện nay có 126 đơn vị được cấp chứng chỉ ISO 9001:2008 (trong đó có 38 đơn vị nằm trong Đề án và 88 đơn vị tự nguyện áp dụng).

Vận động 10 doanh nghiệp tham gia giải thưởng chất lượng Quốc gia có 01 doanh nghiệp đạt Giải Châu Á Thái Bình Dương, 01 doanh nghiệp đạt giải vàng và 01 doanh nghiệp đạt giải Bạc.

Kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu cho 69 lô hàng hóa của 63 lượt doanh nghiệp; cấp phép 17 hồ sơ của 17 lượt doanh nghiệp đăng ký vận chuyển hàng nguy hiểm nhóm 5 và nhóm 8.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động triển khai Đề án thực thi Hiệp định Hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011-2015.

Tổ chức 10 buổi hội nghị, hội thảo để tuyên truyền Dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011- 2015”, với hơn 853 doanh nghiệp, tổ chức và các đơn vị tư vấn đến tham dự.

Phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam (VTV2) thực hiện 01 phóng sự và với Đài

phát thanh truyền hình tỉnh Bình Dương thực hiện 03 phóng sự chuyên đề giới thiệu về Dự án nâng cao năng suất chất lượng tỉnh, giới thiệu về kinh nghiệm và hiệu quả mang lại từ việc áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng và 04 phóng sự tôn vinh các Doanh nghiệp đạt giải vàng chất lượng quốc gia.

Chủ trì, phối hợp với phòng CSĐT tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ; Chi cục Quản lý thị trường và phòng Kinh tế 09 huyện, thị, thành phố kiểm tra về đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại 317 cơ sở kinh doanh và sản xuất mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy; thiết bị điện-điện tử; đồ chơi trẻ em; thép làm cốt bê tông; khí đốt hóa lỏng (gas); thực phẩm; dầu nhớt và phương tiện đo. Kết quả: Yêu cầu 63 cơ sở tạm dừng sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa sai quy định về nhãn và dấu hợp quy. Xử lý 10 cơ sở kinh doanh mũ bảo hiểm không thực hiện ghi nhãn và công bố tiêu chuẩn áp dụng, gắn dấu hợp quy (CR) với số tiền 03 triệu đồng và tịch thu tiêu hủy 236 mũ bảo hiểm.

Hướng dẫn các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh thực hiện công tác đảm bảo đo lường, chất lượng quy định tại Thông tư số 11/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010.

Phối hợp 09 phòng Kinh tế huyện, thị xã, thành phố và Hội Nông dân tỉnh tổ chức 14 đợt phổ biến, tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về đo lường cho các hộ mua bán mù cao su, kinh doanh vàng, bạc và khí đốt hóa lỏng (gas) trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp tỉnh Đoàn Bình Dương, Ban an toàn giao thông tỉnh tổ chức đổi mũ bảo hiểm có trợ giá của Công ty TNHH Long Huei Việt Nam với số lượng 600 chiếc mũ bảo hiểm/600 công nhân và nông dân ở 7 huyện, thị và Thành phố.

Đánh giá công nhận khả năng kiểm định tại Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Sóc Trăng; Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Vĩnh Long; Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường và Chất lượng tỉnh Kiên Giang; Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Đồng Tháp; Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Bình Thuận; Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

5. Những mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đã triển khai có hiệu quả.

a) Hoạt động ứng dụng khoa học và công nghệ

Dự án: Xây dựng mô hình hầm ủ Biogas cải tiến lấy nhiên liệu chạy máy phát điện cho trại chăn nuôi gia súc. Kết quả: Giảm thiểu ô nhiễm môi trường từ 60-80%, tiết kiệm 100% chi phí mua điện trong sản xuất chăn nuôi, tuổi thọ công trình trên 15 năm, thời gian hoàn vốn đầu tư 2 - 2,5 năm.

Dự án: Xây dựng mô hình hầm ủ cải tiến sử dụng biogas chạy máy phát điện cho trang trại chăn nuôi gia súc quy mô 2.000 heo tại huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Dự án: Xây dựng mô hình điểm thông tin khoa học và công nghệ cấp xã, phục vụ phổ biến tri thức khoa học, chuyên giao công nghệ tại huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Kết quả: Dự án đã xây dựng mô hình gồm 14 điểm thông tin khoa học công nghệ. Tại mỗi điểm được đầu tư trang thiết bị, thư viện khoa học công nghệ và 01 website; đào tạo trình độ tin học A cho 125 học viên và 26 cán bộ của 14 điểm về kỹ năng quản lý, vận hành, cài đặt và khai thác thư viện điện tử khoa học công nghệ, giúp người nông dân nắm bắt thông tin kinh tế, thời vụ, giá cả, khoa học kỹ thuật, định hướng

phát triển nông nghiệp, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Dự án: Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu hiện trạng sử dụng năng lượng ngành chế biến gỗ, thí điểm kiểm toán năng lượng tại một số cơ sở chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Kết quả: Dự án đã có tác động rất lớn đến nhận thức và sự quan tâm của lãnh đạo các doanh nghiệp. Từ kết quả phân tích, 52 doanh nghiệp có quy mô (<200.000 sản phẩm/năm) có tiềm năng tiết kiệm khoảng 36,6% tổng điện năng, tương đương 26.441.353 kWh/năm (năm 2009); 37 doanh nghiệp có quy mô trung bình có tiềm năng tiết kiệm lên đến 50,7% tổng điện năng, tương đương 37.400.000 kWh/năm (năm 2009); 11 doanh nghiệp có quy mô sản xuất lớn có tiềm năng tiết kiệm khoảng 37,3% tổng điện năng, tương đương 16.300.000 kWh/năm (năm 2009), bộ cơ sở dữ liệu kết quả dự án được bàn giao cho Sở Công thương tiếp nhận.

Dự án: Ứng dụng thiết bị laser bán dẫn công suất thấp tại các trạm y tế xã, phường, thị trấn tỉnh Bình Dương. Kết quả: Dự án đã đào tạo được 64 kỹ thuật viên quang châm bằng laser, điều trị được 722 bệnh nhân, 6.730 lượt điều trị (12/2011). Dự án đã góp phần thực hiện chăm sóc tốt sức khỏe cộng đồng, tạo điều kiện cho cán bộ y tế tuyến cơ sở tiếp cận với công nghệ laser, hạn chế những nguy cơ lây nhiễm do dùng vật nhọn xuyên da, góp phần giảm tải ở bệnh viện tuyến trên, tạo điều kiện thuận lợi cho bệnh nhân tại xã.

Dự án: Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng rau bằng phương pháp đất sạch dinh dưỡng tại Tp.Thủ Dầu Một và thị xã Dĩ An. Kết quả: Dự án đã xây dựng 20 mô hình trồng rau bằng đất sạch dinh dưỡng, đào tạo 2 kỹ thuật viên, tổ chức tập huấn kỹ thuật cho các hộ tham gia dự án và hướng dẫn 20 hộ tham gia dự án về kỹ thuật, quy trình trồng, chăm sóc, bón phân cho rau mầm và các loại rau ăn lá: rau muống, xà lách, cải bẹ xanh, mồng tơi, rau dền.

Hiện nay, Trung tâm đang triển khai dự án: Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thâm canh tăng hiệu quả sản xuất cây ổi lê Đài Loan ở huyện Bến Cát. Dự án chuyển giao kỹ thuật trồng mới giống ổi lê Đài Loan cho 6 hộ nông dân, với tổng diện tích là 5,3 ha.

#### b) Hoạt động phối hợp, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KH-CN

Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa (PECSME). Kết quả: Xây dựng 03 mô hình trình diễn lò gạch liên tục kiểu đứng hiệu suất cao, giảm thiểu ô nhiễm môi trường thay thế lò gạch thủ công; Xây dựng 2 mô hình trình diễn lò gas nung gốm sứ cải tiến; Tổ chức 14 hội thảo, hội nghị tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; Tổ chức 2 lớp tập huấn hướng dẫn công nghệ cho doanh nghiệp sản xuất gốm sứ và gạch ngói cải tiến hiệu suất cao, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; Tổ chức được một khóa đào tạo kiểm toán năng lượng ngành chế biến thực phẩm cho 20 trung tâm và đơn vị khu vực phía nam.

Dự án hợp tác kỹ thuật Việt Nam - Nhật Bản, nhằm nâng cao năng lực của Trường đại học Bách Khoa Tp. Hồ Chí Minh để tăng cường liên kết giữa trường đại học và cộng đồng. Kết quả: Tham gia 6 đề tài nghiên cứu triển khai trên địa bàn tỉnh Bình Dương: Hệ thống máy phát năng lượng động cơ đốt trong sử dụng khí gas sinh học từ chất thải chăn nuôi heo; Nghiên cứu thí điểm công nghệ tương thích để nén, lưu trữ, sử dụng biogas cho động cơ xe máy; Đánh giá hiện trạng ô nhiễm và xử lý nước thải từ các nhà máy dệt nhuộm và nhà máy giấy trên địa bàn thị xã Dĩ An, Bình Dương. Đề xuất các giải pháp

công nghệ và các tiêu chí tái sử dụng nước thải cho các nhà máy trên; Xử lý nước thải dệt nhuộm, ứng dụng công nghệ màng (MBR) và công nghệ xử lý oxi hóa bậc cao (AOP); Nghiên cứu về xây dựng nhà máy xử lý nước thải công nghiệp chi phí thấp với công suất 10-15m<sup>3</sup>/ngày dành cho các doanh nghiệp quy mô nhỏ; Nghiên cứu phát triển công nghệ phù hợp cho động cơ diesel hiệu suất cao sử dụng biogas.

#### c) Hoạt động dịch vụ

Hoạt động dịch vụ của Trung tâm trong 5 năm qua chủ yếu là các dịch vụ biogas, an toàn bức xạ, tiết kiệm năng lượng, kiểm tra không phá hủy như: cung cấp liều kế, kiểm tra chất lượng thiết bị X-quang, CT Scanner, lập báo cáo đánh giá ATBX, lập hồ sơ cấp phép và gia hạn giấy phép, tư vấn xây dựng phòng X-quang, kiểm tra không phá hủy, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường,...

#### 6. Hoạt động tham gia các chợ công nghệ thiết bị vùng, quốc gia.

Trong những năm qua, Bình Dương tích cực tham gia hoạt động chợ công nghệ, thiết bị. Hầu như các hội chợ công nghệ và thiết bị tổ chức trong khu vực và trong nước Bình Dương đều vận động các đơn vị trên địa bàn tỉnh tham gia và các lần tham gia đều đạt được những kết quả khá quan, cụ thể:

- Năm 2007: Chợ công nghệ và Thiết bị vùng Đông Nam Bộ năm 2007 được tổ chức tại Bình Dương, tại hội chợ này: Có 141 đơn vị tham gia, trong đó có 07 viện, 02 trường đại học, 23 trung tâm nghiên cứu-phát triển, 03 hội nghề nghiệp, 100 doanh nghiệp, cá nhân và 06 Sở KH&CN tham gia 170 gian hàng giới thiệu, chào bán hơn 1.000 công nghệ và thiết bị.

- Năm 2008: Tham gia Chợ Công nghệ và Thiết bị vùng đồng bằng sông Cửu Long (Techmart Can Tho 2008): Tại hội chợ này Bình Dương có 2 đơn vị tham gia với 4 gian hàng trưng bày công nghệ thiết bị với 2 bản ghi nhớ được ký kết.

Tham gia Chợ Công nghệ và Thiết bị vùng Tây Nguyên 2008 (Techmart Tay Nguyen Area 2008): Tại hội chợ này Bình Dương có 1 đơn vị tham gia với 2 gian hàng trưng bày công nghệ thiết bị.

Tham gia Chợ Công nghệ và Thiết bị thủ đô (Techmart Hanoi 2008): Tại hội chợ này Bình Dương có 2 đơn vị tham gia với 3 gian hàng trưng bày công nghệ thiết bị.

- Năm 2009: Tham gia Chợ công nghệ và thiết bị Việt Nam ASEAN+3 (Techmart 2009): Tại hội chợ này Bình Dương có tổng cộng có 4 đơn vị tham gia với 5 gian hàng trưng bày công nghệ thiết bị, với 04 bản ghi nhớ được ký kết.

- Năm 2010: Tham gia Chợ Công nghệ, Thiết bị và Thương mại 2010 (Techmart DongNai 2010): Tại hội chợ này Bình Dương có tổng cộng 10 đơn vị tham gia với 20 gian hàng trưng bày công nghệ thiết bị, với 06 bản ghi nhớ và 01 hợp đồng được ký kết.

- Năm 2011: Tham gia Chợ Công nghệ và Thiết bị vùng Nam Trung bộ-Tây Nguyên 2011 (Techmart Quang Nam 2011): Tại hội chợ này Bình Dương có tổng cộng 7 đơn vị tham gia với 17 gian hàng trưng bày công nghệ thiết bị, với 03 bản ghi nhớ và 04 hợp đồng được ký kết.

- Năm 2012: Tham gia Chợ Công nghệ và Thiết bị Quốc tế Việt Nam 2012 (International Techmart Vietnam 2012): Tại hội chợ Bình Dương có tổng cộng 9 đơn vị tham gia với 20 gian hàng trưng bày công nghệ thiết bị, với 03 bản ghi nhớ và 02 hợp

đồng được ký kết.

- Năm 2013: Tham gia Chợ Công nghệ và Thiết bị Vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (Techmart Daknong 2013): Tại hội chợ Bình Dương có tổng cộng 6 đơn vị tham gia với 10 gian hàng trưng bày công nghệ thiết bị, với 02 bản ghi nhớ và 04 hợp đồng được ký kết.

### **III. Đánh giá khái quát những thành tựu và hạn chế trong hoạt động KHCCN giai đoạn 2011 – 2015:**

#### **1. Thành tựu:**

Nội dung các đề tài, dự án có tính ứng dụng, gắn với thực tiễn sản xuất và đời sống, định hướng và hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, của nông dân, góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh như: hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu ứng dụng tiến bộ KHCCN, xây dựng mô hình chuyển giao tiến bộ KHCCN trong nông nghiệp....

Hoạt động quản lý công nghệ và an toàn bức xạ đảm bảo đúng thủ tục và thời gian quy định. Thành lập Đội ứng phó đầu tiên, tổ chức diễn tập kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ tại 7 doanh nghiệp có sử dụng nguồn bức xạ và tham gia ứng phó sự cố bức xạ tại 1 đơn vị.

Thông qua triển khai chương trình dự án nông thôn miền núi và chuyển giao công nghệ đã nâng cao năng lực quản lý và kinh nghiệm tổ chức triển khai các dự án cho đội ngũ cán bộ quản lý KHCCN của địa phương và tổ chức được nhiều lớp tập huấn chuyên môn kỹ thuật, hội thảo đầu bờ cho nông dân góp phần phổ biến tri thức, kỹ thuật khoa học công nghệ đến doanh nghiệp, trang trại, nông dân.

Một số hoạt động dịch vụ của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ triển khai mạnh, đặc biệt là dịch vụ kiểm toán năng lượng, An toàn bức xạ. Ngoài thực hiện dịch vụ trong tỉnh, dịch vụ này đang được mở rộng thị trường ra các tỉnh Bình Phước, Tây Ninh, Đắk Nông, Đắk Lắk, An Giang,...Nổi bật trong năm 2013, Trung tâm đã được Cục An toàn bức xạ và Hạt nhân cấp phép hoạt động dịch vụ cung cấp và đọc liều chiếu xạ cá nhân, hiện nay cả nước có 03 đơn vị được cấp phép hoạt động và Trung tâm là đơn vị thứ 4.

Các dự án về xây dựng mô hình điểm truy cập thông tin và khoa học tại các xã của huyện Dầu Tiếng, huyện Phú Giáo đã đi vào hoạt động góp phần phục vụ sản xuất - đời sống, phát triển kinh tế xã hội và trợ giúp điều hành kinh tế - xã hội của địa phương một cách thiết thực, hiệu quả; Góp phần nâng cao dân trí, cải thiện chất lượng đời sống tinh thần và vật chất của bà con trong địa bàn triển khai trên cơ sở cung cấp kịp thời và sử dụng rộng rãi thông tin và tri thức khoa học và công nghệ mới, tiên tiến.

Các đề tài khoa học đã được Trung tâm Tin học và Thông tin khoa học công nghệ thương mại hóa, như:

- Đề tài nghiên cứu các công nghệ mã nguồn mở, xây dựng website hỗ trợ kinh doanh và dịch vụ cho Trung tâm tin học và Thông tin khoa học công nghệ tỉnh Bình Dương.

- Đề tài Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý đào tạo KHCCN cho các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh Bình Dương

- Đề tài Nghiên cứu xây dựng hệ thống thông tin quản lý kinh doanh hỗ trợ các

doanh nghiệp kinh doanh ăn uống trên địa bàn thị xã Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương.

Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN đã và đang góp phần vào việc kiện toàn hệ thống dữ liệu thông tin KH&CN trong khu vực. Tham gia phổ biến và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan trên lĩnh vực KH&CN, tuyên truyền và phổ biến thông tin KH&CN, thông tin thống kê KH&CN. Với số lượng bản tin được ấn bản ổn định và phát hành rộng rãi, đã mang đến nguồn thông tin kịp thời, tin cậy đến người đọc, góp phần thúc đẩy việc ứng dụng các thành tựu KH&CN trên địa bàn tỉnh và vùng.

## 2. Những hạn chế

Hoạt động KH&CN chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu, chưa thực sự trở thành động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Sản phẩm của nghiên cứu khoa học có hàm lượng chất xám chưa cao. Sự kết hợp giữa doanh nghiệp, cơ quan quản lý, nhà khoa học, tổ chức chuyên gia công nghệ còn hạn chế. Việc ứng dụng tiến bộ KH&CN, cải tiến, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, như thiếu thông tin về thị trường, công nghệ, vốn..

Tỷ lệ đề tài, dự án đạt hàng từ các Sở, ngành còn quá ít, chủ yếu các đề tài do các nhà khoa học đề xuất.

Các đề tài, dự án thực hiện theo chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động KH&CN còn chưa nhiều do các doanh nghiệp chưa quen với việc thực hiện đề tài, dự án.

Công tác thẩm định các dự án đầu tư trong giai đoạn xem xét cấp phép chưa được thực hiện tốt. Do các văn bản pháp lý trước đây chưa có sự ràng buộc, mặc dù hiện nay đã có Nghị định quy định về việc thẩm định các dự án đầu tư, tuy nhiên các văn bản hướng dẫn chưa được ban hành.

Kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở chưa được các cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt. Do đó khó triển khai diễn tập ứng phó sự cố tại các đơn vị có nguồn phóng xạ.

Hoạt động hợp tác quốc tế, liên doanh, liên kết với các tổ chức nghiên cứu, các tổ chức sản xuất trong và ngoài tỉnh vẫn còn hạn chế nên chưa tiếp cận các công nghệ mới, tiến bộ KH&CN trong và ngoài nước để tư vấn, giới thiệu, chuyển giao công nghệ phục vụ cho sản xuất và đời sống.

Số lượng doanh nghiệp tham gia giải thưởng chất lượng quốc gia hàng năm chưa nhiều; việc tham gia Chương trình hỗ trợ nâng cao năng suất và chất lượng của doanh nghiệp còn rất ít.

Sự phối hợp và cung cấp thông tin về Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011-2015 (TBT) của các Sở, ngành trong tỉnh còn thiếu và yếu.

## **B. Định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu giai đoạn 2016 – 2020.**

### **1. Công tác tham mưu**

Rà soát nội dung, phương thức thực hiện để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chương trình, đề án, dự án KH&CN trọng điểm của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020: chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động KH&CN; chương trình khoa học xã hội nhân văn; chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ; dự án nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa; đề án hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), chương trình



công nghệ sinh học; chương trình chuyển giao tiến bộ KH-CN trong nông nghiệp; chương trình bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; chương trình công nghiệp, công nghệ và tự động hóa; chương trình tiết kiệm năng lượng; chương trình sản xuất sạch hơn.

Phối hợp với các ngành các tổ chức hoạt động KH-CN nghiên cứu xây dựng một số chương trình KH-CN phục vụ phát triển KTXH của tỉnh. Xây dựng và thực hiện cơ chế “đặt hàng” của lãnh đạo tỉnh, các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố và doanh nghiệp đối với các nhà khoa học, tổ chức KH-CN.

Thường xuyên tổ chức hội thảo về KH-CN nhằm gắn kết giữa nghiên cứu và thực tiễn, giữa các cơ quan nghiên cứu và doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước

Nghiên cứu xây dựng các chương trình phối hợp với các tổ chức, đoàn thể (Hội Nông dân tỉnh, Tỉnh đoàn, Liên đoàn Lao động tỉnh, Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh...), đẩy mạnh hoạt động KH-CN trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao của các bên.

Nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay cho doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ.

## **2. Triển khai các Nghị quyết, Nghị định, Quyết định, Chỉ thị của các cơ quan Đảng và Nhà nước**

Xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh, Bộ KH-CN về hoạt động KH-CN.

Triển khai Kế hoạch số 3191/KH-UBND ngày 23/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 63-CTr/TU ngày 07/6/2013 của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Chính phủ về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Hướng dẫn doanh nghiệp thành lập Quỹ Phát triển KH-CN, thành lập doanh nghiệp KH-CN.

Củng cố quỹ Phát triển KH-CN của tỉnh để thực hiện việc cấp vốn cho nhiệm vụ KH-CN cấp tỉnh, làm cầu nối với Quỹ Đổi mới công nghệ Quốc gia để cho vay các dự án lớn.

## **3. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (NCKH-PTCN)**

Tổ chức ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào sản xuất và đời sống. Các nhiệm vụ NCKH-PTCN ở các lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, khoa học xã hội đều nhằm vào mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động KH-CN, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động KH-CN.

### **a) Các nhiệm vụ cấp nhà nước**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT, Hội Nông dân Tỉnh, các huyện thị, các tổ chức KH-CN đề xuất 1-2 nhiệm vụ/năm để tham gia Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH-CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

### **b) Các nhiệm vụ cấp tỉnh**

Phấn đấu đạt số lượng 15 - 20 nhiệm vụ NCKH-PTCN/năm.

Nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học ở các lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, khoa học xã hội - nhân văn vào sản xuất và đời sống trên cơ sở nhu cầu thực tiễn ở địa phương, doanh nghiệp nhằm mục tiêu góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, phục vụ phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường của tỉnh.

Ưu tiên triển khai nghiên cứu, ứng dụng các nhiệm vụ cấp thiết, các nhiệm vụ nghiên cứu thuộc các chương trình KHCN, ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, áp dụng kết quả của các đề tài nghiên cứu đã được nghiệm thu, hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn và nhân rộng kết quả từ các dự án đã được kết luận là có hiệu quả.

Triển khai các nhiệm vụ liên kết, trên cơ sở đó phát triển doanh nghiệp KHCN, xã hội hoá đầu tư cho KHCN.

#### c) Các nhiệm vụ cấp cơ sở

Các nhiệm vụ NCKH-PTCN cấp cơ sở tập trung vào việc nhân rộng các kết quả của đề tài cấp tỉnh, ứng dụng các công nghệ sẵn có phù hợp với cơ sở; các sở, ban, ngành cần xây dựng các nhiệm vụ KHCN trọng tâm của ngành mình để tạo cơ sở khoa học giải quyết các vấn đề cấp bách được đặt ra từ thực tế quản lý, sản xuất và đời sống.

Hướng dẫn các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch KHCN cấp cơ sở hàng năm. Đây mạnh hoạt động khoa học và công nghệ ở huyện, thị, thành phố.

Hướng dẫn các doanh nghiệp nhà nước thành lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và hướng dẫn các doanh nghiệp sử dụng quỹ đúng trình tự qui định. Hướng dẫn và tuyên truyền các doanh nghiệp thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Đến năm 2020, hình thành 20 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 30 tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ (trong đó có 10 tổ chức khoa học và công nghệ công lập). Các DN Nhà nước thành lập Quỹ theo quy định của Nhà nước; vận động thành lập 20 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

#### **4. Hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ kỹ thuật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng**

Hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện công bố hợp chuẩn và công bố hợp quy. Kiểm tra nhà nước về đo lường chất lượng hàng hóa nhập khẩu, trong sản xuất, lưu thông trên thị trường. Vận động từ 80 - 100 doanh nghiệp tham gia giải thưởng chất lượng quốc gia, tổ chức 30 - 35 đợt tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng cho các cơ quan và doanh nghiệp, 35-40 khóa đào tạo về hệ thống quản lý chất lượng cho cán bộ công chức của các Sở, ban, ngành và thành viên tổ kiểm tra ISO hành chính công của tỉnh.

Tổ chức kiểm tra tình hình áp dụng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan nhà nước theo quy định. Giám sát 30- 40 doanh nghiệp thực hiện công bố hợp quy theo danh mục nhóm 2 của Bộ KHCN.

Mở rộng khả năng kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, kiểm định đối chứng phương tiện đo; hoạt động xác định khối lượng của hàng đóng gói sẵn; khả năng bảo trì và kinh

doanh phương tiện đo; khả năng thử nghiệm, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hoá; khả năng tư vấn các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; khả năng đào tạo, bồi dưỡng, tư vấn chuyên môn nghiệp vụ về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Phần đầu từ năm 2016 - 2020 kiểm định/hiệu chuẩn được: 91.000 phương tiện đo các loại, tổng doanh thu đạt 34,1 tỷ đồng.

#### **5. Hoạt động quản lý công nghệ, an toàn bức xạ**

Tăng cường phối hợp thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn xem xét cấp phép.

Triển khai công tác cấp phép tiến hành công việc bức xạ, cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ theo đúng quy định. Đảm bảo 100% các cơ sở, cá nhân có nguồn bức xạ được khai báo cấp phép theo đúng quy định.

Tổ chức diễn tập ứng phó sự cố bức xạ hàng năm theo hướng tăng dần quy mô.

#### **6. Hoạt động sở hữu trí tuệ, phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật liên quan đến sở hữu trí tuệ. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sáng kiến, sáng tạo qua các chương trình hội thi, tích cực vận động các chủ thể tham gia chương trình, hội thi.

Phát triển nhãn hiệu tập thể; kiểm tra, hướng dẫn hoạt động các tổ chức quản lý nhãn phát huy hiệu quả của nhãn, từng bước xây dựng thương hiệu.

Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của tập thể mang địa danh của tỉnh nhà trên thị trường nước ngoài.

#### **7. Hoạt động thanh tra**

Triển khai công tác thanh kiểm tra 220 đơn vị theo kế hoạch và 250 đơn vị theo chuyên đề tập trung vào các lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, nội dung ghi nhãn hàng hóa, an toàn bức xạ và các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học phát triển công nghệ.

#### **8. Hoạt động ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ**

Thực hiện các dịch vụ về lĩnh vực ứng dụng năng lượng nguyên tử, lĩnh vực an toàn lao động, lĩnh vực tiết kiệm năng lượng, lĩnh vực giám định và chứng nhận.

Tổ chức nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng các thành tựu của đề tài, dự án đã nghiệm thu vào sản xuất và đời sống, đào tạo, chuyển giao những tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Triển khai xây dựng Khu thực nghiệm KHCN với diện tích 10 ha tại xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Nghiên cứu sản xuất thực nghiệm, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ứng dụng công nghệ cao phục vụ sản xuất và đời sống.

Tham mưu xây dựng dự án đầu tư phòng chuẩn về an toàn bức xạ để kiểm định, hiệu chuẩn các loại thiết bị đo lường bức xạ, thiết bị kiểm định X Quang.

#### **9. Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ**

Tổ chức hoạt động của Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trở thành một trong những Sàn thương mại điện tử có uy tín trong tỉnh Bình Dương nói riêng và khu vực phía

Nam nói chung.

Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ Tp. Hồ Chí Minh tổ chức Chợ công nghệ và thiết bị vùng Đông Nam bộ tại Bình Dương, tiếp tục tổ chức tham gia các chợ công nghệ và thiết bị trong khu vực và trong nước hàng năm.

Thực hiện có hiệu quả hoạt động thống kê khoa học và công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển KHCN; phổ biến những thành tựu, kiến thức KHCN, các mô hình ứng dụng, nhân rộng tiến bộ KHCN có hiệu quả vào thực tế sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh.

Thẩm định thông tin khoa học công nghệ phục vụ cho việc quản lý hoạt động khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh.

## **10. Giải pháp**

Cụ thể hóa mục tiêu, định hướng nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược phát triển KHCN từ 2011 – 2020 (Quyết định 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ); xây dựng nhiệm vụ KHCN để phục vụ triển khai thực hiện Quyết định 893/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11/6/2014 về điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025; Kế hoạch số 3191/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về phát triển KHCN.

Từng bước tiếp cận và ứng dụng KHCN mới, tiên tiến, hiện đại. Hỗ trợ phát triển các trung tâm “vườn ươm công nghệ”; hình thành các cơ sở nghiên cứu ứng dụng trong các trường đại học.

Triển khai có hiệu quả các đề án, chương trình, dự án KHCN trọng điểm đã được tỉnh phê duyệt. Hình thành và phát triển thị trường công nghệ; tổ chức tốt hoạt động tư vấn, dịch vụ chuyển giao công nghệ, tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp lựa chọn công nghệ mới tiên tiến, phù hợp với sự phát triển của doanh nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hóa trong hoạt động KHCN.

Hướng dẫn doanh nghiệp nhà nước thành lập Quỹ phát triển KHCN theo quy định, khuyến khích các doanh nghiệp khác thành lập Quỹ phát triển KHCN trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh. Cụ thể hóa các quy định, phối hợp giải quyết những vướng mắc để sử dụng nguồn kinh phí của quỹ

Mở rộng sự hợp tác với các tổ chức KHCN trong và ngoài tỉnh để nghiên cứu xây dựng các chương trình KHCN, đề xuất các nhiệm vụ KHCN đưa vào kế hoạch nghiên cứu ứng dụng hàng năm.

Hướng dẫn địa phương đổi mới công tác lập kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm, đặc biệt là đối với công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được triển khai thông qua cơ chế cấp phát kinh phí từ Quỹ phát triển KHCN của tỉnh.

Các Sở, ngành và phòng Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố bố trí cán bộ theo dõi và tham mưu xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động KHCN của cơ quan, đơn vị mình. Sở KHCN tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ về quản lý khoa học, mời các thành viên Hội đồng KHCN cấp cơ sở tham gia các lớp tập huấn do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức.

### **C. Đề xuất, kiến nghị:**

Tăng cường đầu tư tiềm lực KHCN từ nguồn ngân sách đầu tư phát triển KHCN, hỗ trợ các tổ chức KHCN công lập đẩy mạnh ứng dụng, nhân rộng tiến bộ KHCN. Đây cũng là tiền đề quan trọng giúp các đơn vị thuộc các Sở, ngành của tỉnh trở thành tổ chức hoạt động KHCN công lập và chuyển đổi sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KHCN công lập theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

Bộ KHCN phối hợp cùng Bộ Tài chính ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn hoạt động của Quỹ phát triển KHCN đầy đủ, đồng bộ.

Bộ KHCN và Bộ Tài chính: Quy định cụ thể phần kinh phí hỗ trợ công tác khảo sát, chuẩn đoán lập đề án đăng ký cho doanh nghiệp tham gia chương trình nâng suất chất lượng; Ban hành hướng dẫn quy định cụ thể về việc hỗ trợ kinh phí phù hợp cho cán bộ, chuyên gia tham gia xét chọn, giám sát việc thực hiện và nghiệm thu dự án năng suất chất lượng.

Bộ KHCN hỗ trợ đào tạo chuyên gia nòng cốt tại địa phương có đủ khả năng tư vấn và đánh giá đối với các doanh nghiệp áp dụng các hệ thống và các công cụ nâng cao năng suất chất lượng; ban hành quy định cụ thể về việc hỗ trợ kinh phí phù hợp cho cán bộ, chuyên gia tham gia xét chọn, giám sát việc thực hiện và nghiệm thu dự án năng suất chất lượng. Tiếp tục đầu tư tiềm lực cho các tổ chức KHCN công lập ở địa phương đến năm 2020 theo nội dung Đề án nâng cao năng lực của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KHCN, Trung tâm Kỹ thuật TĐC.

Bộ KHCN có hướng dẫn, hỗ trợ bằng các chính sách để doanh nghiệp tham gia vào quá trình thực hiện của các dự án thuộc Chương trình như tham gia đầu tư, thu mua, tiêu thụ sản phẩm của dự án và vùng thực hiện dự án làm cho sức lan tỏa của dự án ngày càng rộng hơn.

Bộ KHCN ban hành các quy định về xử lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi khi kết thúc dự án (đối tượng là nông dân, trang trại nông nghiệp cá thể, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tư nhân). Sau khi thực hiện dự án cũng phải có nguồn kinh phí hỗ trợ việc nhân rộng.

Có các chính sách ưu đãi cụ thể về thuế TNDN đối với các tổ chức khoa học và công nghệ tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005.

Bộ KHCN chỉ đạo chặt chẽ hơn việc ghi nhãn hàng hóa, quản lý và gắn dấu hợp quy đối với các sản phẩm hàng hóa phải công bố hợp quy nhất là đồ chơi trẻ em.

Quy hoạch mạng lưới kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo trên toàn quốc để tránh việc một số phương tiện đo có số lượng sử dụng ít nhưng tổ chức kiểm định thì quá nhiều, một số phương tiện đo thì không kiểm định được, gây lãng phí về nguồn lực.

Xây dựng cơ sở dữ liệu về các tiến bộ công nghệ, các dự án đã triển khai thuộc Chương trình nhằm phục vụ quản lý từ trung ương đến địa phương, phục vụ cho nông dân, người sản xuất truy cập thu thập tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ cho sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế thị trường.

Kiến nghị Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng:

- Chỉ đạo các tổ chức Chứng nhận gửi bản sao giấy Chứng nhận hợp quy sản phẩm của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để địa phương thuận lợi trong việc theo dõi, quản lý;

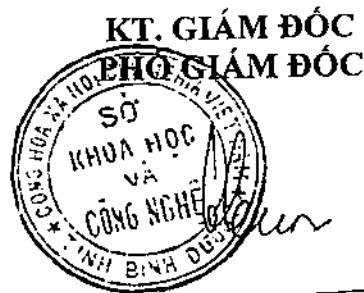
- Nghiên cứu hướng dẫn phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế của các dự án năng suất chất lượng thông qua các chỉ tiêu đầu vào, đầu ra.

- Sớm ban hành danh mục hàng đóng gói sẵn nhóm 2; thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo về công tác xử lý vi phạm về lĩnh vực đo lường, chất lượng cho các địa phương nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn.

- Thông tư số 159/2010/TT-BTC ngày 15/10/2010, về việc quy định công tác quản lý tài chính đối với việc xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Đến nay không còn phù hợp với thực tế, nên thay thế bằng Thông tư mới phù hợp với Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

**Nơi nhận:**

- Bộ KHCN;
- Vụ Phát triển KHCN địa phương;
- Sở KHCN Đồng Nai;
- LĐ Sở;
- Lưu: VT.



**Nguyễn Bình Phước**

## Phần phụ lục

Biểu 1 Tổng hợp kết quả triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về KHCN.

| STT | Loại VBQPPL/cấp ban hành         | Tên văn bản  | Ghi chú   |
|-----|----------------------------------|--|---|
| 01  | Quyết định<br>Số 17/2012/QĐ-UBND | Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Dương.                         |   |
| 02  | Dự thảo Quyết định               | Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bình Dương.   | Đang trình UBND tỉnh Bình Dương ký ban hành trong năm 2015. |
| 03  | Dự thảo Quyết định               | Quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước Bình Dương.       |   |
| 04  | Dự thảo Quyết định               | Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp cơ sở.   |   |
| 05  | Dự thảo Quyết định               | Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước. |   |
| 06  | Dự thảo Quyết định               | Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.                                  |   |
| 07  | Dự thảo Quyết định               | Quy định về việc trình tự thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương.           |   |

Biểu 2: Tổ chức bộ máy và nhân lực KH&CN

### Về tổ chức bộ máy

| Năm      | Số lượng    |                     |                       |                   |                           |  |
|----------|-------------|---------------------|-----------------------|-------------------|---------------------------|--|
|          | Lãnh đạo sở | Các phòng nghiệp vụ | Các đơn vị trực thuộc | Doanh nghiệp KHCN | Các tổ chức khác (nếu có) |  |
| Năm 2011 | 4           | 7                   | 3                     |                   |                           |  |
| Năm 2012 | 4           | 7                   | 3                     | 2                 |                           |  |
| Năm 2013 | 4           | 7                   | 3                     |                   |                           |  |
| Năm 2014 | 4           | 7                   | 3                     | 1                 |                           |  |
| Năm 2015 | 4           | 7                   | 3                     |                   |                           |  |

### + Trình độ chuyên môn

| Năm                              | Trình độ | Trình độ       |         |                 |         |                  |                   |               |
|----------------------------------|----------|----------------|---------|-----------------|---------|------------------|-------------------|---------------|
|                                  |          | Tổng số cán bộ | Tiến sĩ | Nghiên cứu sinh | Thạc sĩ | Đang học cao học | Đại học, cao đẳng | Trình độ khác |
| <b>Khối Hành chính công chức</b> |          |                |         |                 |         |                  |                   |               |
| Năm 2011                         |          | 41             | 1       | 2               | 5       | 3                | 25                | 5             |
| Năm 2012                         |          | 44             | 1       | 1               | 6       | 6                | 25                | 5             |
| Năm 2013                         |          | 45             | 1       | 1               | 7       | 6                | 25                | 5             |
| Năm 2014                         |          | 43             | 2       |                 | 7       | 5                | 24                | 5             |
| Năm 2015                         |          | 44             | 2       |                 | 7       | 5                | 25                | 5             |
| <b>Khối Sự nghiệp viên chức</b>  |          |                |         |                 |         |                  |                   |               |

|          |    |  |  |   |   |    |   |
|----------|----|--|--|---|---|----|---|
| Năm 2011 | 37 |  |  |   | 1 | 29 | 7 |
| Năm 2012 | 39 |  |  |   | 1 | 31 | 7 |
| Năm 2013 | 43 |  |  | 1 | 1 | 32 | 9 |
| Năm 2014 | 47 |  |  | 2 |   | 37 | 8 |
| Năm 2015 | 47 |  |  | 2 |   | 37 | 8 |

+ Trình độ quản lý nhà nước

| Trình độ<br>Năm                  | Tổng số<br>cán bộ | Chuyên viên<br>cao cấp | Chuyên viên<br>chính | Chuyên<br>viên | Ghi chú |
|----------------------------------|-------------------|------------------------|----------------------|----------------|---------|
| <b>Khôi Hành chính công chức</b> |                   |                        |                      |                |         |
| Năm 2011                         | 34                | 4                      | 5                    | 25             |         |
| Năm 2012                         | 36                | 4                      | 7                    | 25             |         |
| Năm 2013                         | 38                | 4                      | 8                    | 26             |         |
| Năm 2014                         | 37                | 4                      | 9                    | 24             |         |
| Năm 2015                         | 37                | 4                      | 9                    | 24             |         |
| <b>Khôi Sự nghiệp viên chức</b>  |                   |                        |                      |                |         |
| Năm 2011                         | 11                |                        | 1                    | 10             |         |
| Năm 2012                         | 15                |                        | 1                    | 14             |         |
| Năm 2013                         | 19                |                        | 1                    | 18             |         |
| Năm 2014                         | 25                |                        | 1                    | 24             |         |
| Năm 2015                         | 28                |                        | 1                    | 27             |         |

Biểu 3: Giá trị TFP của địa phương từ năm 2011-2014 theo nguồn Cục thống kê tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

| Năm          | Tốc độ<br>tăng tổng<br>sản phẩm<br>GRDP(%) | Đóng<br>góp<br>của<br>Vốn | Đóng<br>góp<br>của LĐ | Tốc độ<br>tăng<br>TFP | Tỷ trọng đóng góp của các<br>yếu tố vào GDP (%) |                       |                           |
|--------------|--|---------------------------|-----------------------|-----------------------|---|-----------------------|---------------------------|
|              |  |                           |                       |                       | Đóng góp<br>của Vốn                             | Đóng<br>góp<br>của LĐ | Đóng<br>góp<br>của<br>TFP |
| 2011         | 12,8                                       | 8,44                      | 2,79                  | 2,63                  | 60,9  | 20,1                  | 18,95                     |
| 2012         | 12,8                                       | 6,99                      | 1,80                  | 3,75                  | 55,8  | 14,3                  | 29,90                     |
| 2013         | 13,0                                       | 7,00                      | 1,71                  | 4,13                  | 54,6  | 13,3                  | 32,16                     |
| 2014         | 13,0                                       | 6,92                      | 1,47                  | 4,61                  | 53,2  | 11,3                  | 35,49                     |
| Bình<br>quân | 12,9                                       | 7,33                      | 1,94                  | 3,78                  | 56,1  | 14,8                  | 29,12                     |

Biểu 4: Kinh phí hoạt động KH&CN

Tổng hợp kinh phí cho hoạt động KH&CN

DVT: Triệu đồng

| Năm | Kinh phí TW thông<br>báo |              | Kinh phí được UBND<br>tỉnh/ thành phố duyệt |                       | Kinh phí thực<br>hiện |              | Tổng<br>số<br>kinh<br>phí<br>đầu tư |
|-----|--------------------------|--------------|---|-----------------------|-----------------------|--------------|-------------------------------------|
|     | Đầu tư<br>phát triển     | Sự<br>nghiệp | Đầu tư<br>phát triển                        | Sự nghiệp<br>khoa học | Đầu tư<br>phát        | Sự<br>nghiệp |                                     |
|     |                          |              |   |                       |                       |              |                                     |



|                   |                | khoa học       |               |                | triển         | khoa học       | xã hội |
|-------------------|----------------|----------------|---------------|----------------|---------------|----------------|--------|
| 2011              | 78,000         | 20,523         | 37,200        | 59,735         | 3,779         | 33,618         |        |
| 2012              | 104,000        | 32,295         | 14,700        | 59,535         | 8,237         | 24,307         |        |
| 2013              | 138,000        | 38,754         | 19,500        | 47,231         | 12,432        | 23,554         |        |
| 2014              | 133,000        | 41,672         | 10,000        | 33,965         | 9,621         | 33,965         |        |
| 2015<br>(theo KH) | 160,000        | 48,923         | 6,100         | 24,803         | 6,100         | 24,803         |        |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>613,000</b> | <b>182,167</b> | <b>87,500</b> | <b>225,269</b> | <b>40,169</b> | <b>140,247</b> | -      |

2. Giải trình các khoản chi của kinh phí sự nghiệp khoa học

DVT: triệu đồng

| Năm               | KP cho hoạt động nghiên cứu triển khai | KP cho hoạt động quản lý nhà nước (TCĐLCL, SHTT, thanh tra, công nghệ, an toàn bức xạ, thông tin, đào tạo...) | KP cho tăng cường tiềm lực trang thiết bị kỹ thuật | KP cho các hoạt động sự nghiệp | Tổng cộng      |
|-------------------|--|---|--|--------------------------------|----------------|
| 2011              | 20,017                                 | 5,022   |  | 8,579                          | 33,618         |
| 2012              | 14,764                                 | 6,075   |  | 3,468                          | 24,307         |
| 2013              | 13,987                                 | 6,180   |  | 3,387                          | 23,554         |
| 2014              | 21,178                                 | 8,059   |  | 4,728                          | 33,965         |
| 2015<br>(theo KH) | 12,459                                 | 8318  |  | 4,026                          | 24,803         |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b>82,405</b>                          | <b>33,654</b>   | -  | <b>24,188</b>                  | <b>140,247</b> |

Biểu 5. Danh mục các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN giai đoạn 2011-2015 của tỉnh Bình Dương

DVT: Triệu đồng

| S tt                                  | Tên dự án  | Tổng vốn đầu tư  | Kết quả/ tiến độ thực hiện | Ghi chú                               |
|---------------------------------------|--|------------------|----------------------------|---------------------------------------|
| <b>I. Dự án trong ngành KH&amp;CN</b> |  | <b>50.151,40</b> |                            |                                       |
| 1                                     | Dự án “Ứng dụng công nghệ thông tin tại Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2008-2010”. | 2.202,68         | 2011-2012                  | Dự án đã kết thúc và đưa vào sử dụng. |

|           |  |            |           |                                       |
|-----------|--|------------|-----------|---------------------------------------|
| 2         | Dự án “Đầu tư trang thiết bị nâng cấp mở rộng khả năng kiểm định/ hiệu chuẩn phương tiện đo và khả năng thử nghiệm vật liệu xây dựng giai đoạn 2008-2010 thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Dương”. | 11.078,04  | 2009-2012 | Dự án đã kết thúc và đưa vào sử dụng. |
| 3         | Dự án “Đầu tư trang thiết bị cho Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Dương”.   | 8.439,47   | 2012-2013 | Dự án đã kết thúc và đưa vào sử dụng. |
| 4         | Dự án “Đầu tư bổ sung trang thiết bị Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ”.  | 7.313,50   | 2011-2012 | Dự án đã kết thúc và đưa vào sử dụng. |
| 5         | Dự án “Đầu tư thiết bị Phòng phân tích kiểm nghiệm thuộc Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ”.  | 13.167,81  | 2013-2014 | Dự toán, dự án chưa kết thúc          |
| 6         | Dự án “Đầu tư trang thiết bị cho Trung tâm Tin học và Thông tin khoa học công nghệ”  | 7.949,89   | 2013-2014 | Dự toán, dự án chưa kết thúc          |
| 7         | Dự án “Xây dựng khu thực nghiệm khoa học và công nghệ thuộc Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ”.   | 93.000     |           | Đang trong giai đoạn lập dự án        |
| 8         | Dự án “Đầu tư tăng cường năng lực kiểm định, hiệu chuẩn và thử nghiệm thuộc Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng”.  | 5.540      |           |                                       |
| <b>II</b> | <b>Dự án ngoài ngành KH&amp;CN</b>   |            |           |                                       |
| 1         | Dự án “Trang thiết bị y tế cho Trung tâm Kiểm nghiệm thuộc Sở Y tế”.   | 11.836,598 | 2009-2012 | Dự án đã kết thúc và đưa vào sử dụng. |
| 2         | Dự án “Tăng cường năng lực phân tích, kiểm nghiệm của Trung tâm Kiểm nghiệm thuộc Sở Y tế”.  | 15.575     | 2015-2016 | Đang trong giai đoạn lập dự án        |
| 3         | Dự án “Đầu tư trang thiết bị cho trạm chẩn đoán xét nghiệm phục vụ cho công tác phòng chống dịch bệnh của Chi cục thú ý Bình Dương”.   | 2.924,823  | 2009-2010 | Dự án đã kết thúc và đưa vào sử dụng. |
| 4         | Dự án “Tăng cường năng lực cho trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp”.  | 917,464    | 2013      |                                       |
| 5         | Dự án “Đầu tư thiết bị phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên rau quả phục vụ công tác vệ sinh an toàn thực phẩm”   | 5.590      | 2010-2011 |                                       |

Biểu 6. Danh mục các dự án đầu tư dự kiến xây dựng giai đoạn 2016-2020

| Stt | Tên dự án  | Địa điểm đầu tư  | Tổng vốn đầu tư | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|-----|--|--|-----------------|---------------------|---------|
| 1   | Dự án “Đầu tư phòng chuẩn về an toàn bức xạ để kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị đo lường bức xạ, thiết bị kiểm định X Quang cho khu vực các tỉnh/thành phía Nam” | 26 Huỳnh Văn Nghệ, phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. | 20.000          | 2017-2018           |         |
| 2   | Dự án “Tăng cường công tác tạo lập và phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2015 – 2020”.                              |  | 3.300           | 2017-2018           |         |
| 3   | Dự án “Tăng cường và hiện đại hoá năng lực kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm cho Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng”.                               |  | 12.200          | 2017-2018           |         |

Biểu 7: Danh mục các nhiệm vụ KHCN cấp nhà nước, cấp Bộ

| STT | Tên nhiệm vụ, đơn vị chủ trì, thời gian và kinh phí thực hiện   | Quy mô, khối lượng sản phẩm tạo ra, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu, hiệu quả kinh tế - xã hội.   | Địa chỉ áp dụng kết quả   |
|-----|---|---|---|
| 1   | <p>Dự án: “Xây dựng mô hình ứng dụng tiên bộ kỹ thuật thâm canh cây bưởi theo hướng VietGAP tại xã Hiếu Liêm, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương”</p> <p>- Chủ nhiệm dự án: KS.Trương Nguyễn Quốc Uy</p> <p>- Địa chỉ : Ấp 2, xã Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương</p> <p>- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương</p> <p>- Cơ quan chuyển giao công nghệ: Trung tâm Nghiên cứu Cây ăn quả Miền Đông Nam Bộ.</p> <p>- Thời gian thực hiện từ tháng 7/2012 – 6/2015</p> <p>- Tổng kinh phí thực hiện: 4.000.000.000 đồng</p> <p>Trong đó:</p> <p>+ Kinh phí hỗ trợ từ SNKHCN trung</p> | <p>- Xây dựng mô hình trồng mới bưởi Da Xanh theo hướng VietGAP (20 ha)</p> <p>- Xây dựng mô hình cải tạo, thâm canh vườn bưởi Da Xanh thời kỳ kinh doanh theo tiêu chuẩn VietGAP (10 ha)</p> <p>- Mô hình sản xuất bưởi Da Xanh đạt tiêu chuẩn VietGAP (7 ha)</p> <p>- Chứng nhận VietGAP</p> <p>Hiệu quả kinh tế-xã hội:</p> <p>- Hình thành vùng chuyên chuyên canh sản xuất bưởi Da Xanh theo hướng VietGAP, góp phần tăng thu nhập cho nhà vườn vùng tham gia dự án.</p> <p>- Nâng cao trình độ dân trí, hình thành tập quán sản xuất bưởi chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm cho nông dân.</p> | <p>Dự án đang trong giai đoạn triển khai thực hiện.</p> <p>Xã Hiếu Liêm huyện Bắc Tân Uyên tỉnh Bình Dương.</p> |

|   |   |  |  |
|---|---|--|--|
|   | <p>ương: 1.600.000.000 đồng<br/> + Kinh phí hỗ trợ từ SNKHCN địa phương: 856.117.000 đồng<br/> + Vốn đối ứng của dân: 1.543.883.000 đồng</p>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Góp phần hình thành thương hiệu sản xuất bưởi Da Xanh cho vùng sản xuất bưởi xã Hiếu Liêm.</li> <li>- dự án sẽ là động lực thúc đẩy các nhà vườn tham gia cải tạo các vườn cây kém hiệu quả, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao.</li> </ul>  |  |
| 2 | <p>Dự án: “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất rau đạt tiêu chuẩn VietGAP ở xã Thạnh hội, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương” do phòng Kinh tế huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương chủ trì thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ nhiệm dự án: KS. Nguyễn Quốc Long</li> <li>- Địa chỉ : Trạm bảo vệ thực vật thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương</li> <li>- Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương</li> <li>- Cơ quan chuyển giao công nghệ: Khoa Nông học - Trường Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Thời gian thực hiện từ tháng 7/2012 đến tháng 6/2015</li> <li>- Tổng kinh phí thực hiện: 4.000.000.000 đồng</li> </ul> <p>Trong đó:<br/> + Kinh phí hỗ trợ từ SNKHCN trung ương: 1.280.000.000 đồng<br/> + Kinh phí hỗ trợ từ SNKHCN địa phương: 1.085.975.000 đồng<br/> + Vốn đối ứng của dân: 1.534.025.000 đồng</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mô hình trồng hành lá đạt chứng nhận VietGAP (18,1 ha)</li> <li>- Xây dựng mô hình trồng cải ngọt đạt chứng nhận VietGAP (5,15 ha)</li> <li>- Xây dựng mô hình trồng dưa leo đạt chứng nhận VietGAP (2,8 ha = 0,4 ha (năm 1) + 2,4 ha (năm 2 &amp; 3) (0,4 ha/vụ x 3 vụ/năm x 2 năm)</li> <li>- Xây dựng mô hình trồng ớt cay đạt chứng nhận VietGAP (0,55 ha)</li> <li>- Nhà sơ chế cấp 4, 100m<sup>2</sup>; Nhà vòm 500m<sup>2</sup>; Hệ thống tưới phun sương</li> <li>- Xây dựng thương hiệu sản phẩm “Rau an toàn Tân Uyên, Bình Dương”</li> </ul> <p>Hiệu quả kinh tế - xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về kinh tế: dự án có tính khép kín từ sản xuất – tiêu thụ, giải quyết các vấn đề về kỹ thuật vừa tạo được đầu ra cho sản phẩm, làm gia tăng đáng kể thu nhập của người nông dân sản xuất rau an toàn so với giải pháp hiện tại trên cùng đơn vị diện tích</li> <li>- Về xã hội: góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân, đưa ra được sản phẩm rau an toàn cho xã hội. Dự án thỏa mãn được lợi ích của cả người sản xuất (thu nhập cao, ổn định nhờ sản phẩm có chất lượng, thương hiệu) vừa thỏa</li> </ul> | <p>Dự án đang trong giai đoạn triển khai thực hiện.</p> <p>Xã Thạnh Hội thị xã Tân Uyên tỉnh Bình Dương.</p> |

|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  |  | mãn được người tiêu dùng (giá cả hợp lý cho chất lượng, an toàn). |  |
|--|--|---|--|

Biểu 8: Tổng hợp nhiệm vụ KHCN thực hiện trong giai đoạn 2011 - 2015

| Năm       | Số lượng các nhiệm vụ NCKH-PTCN phân theo lĩnh vực |                   |                  |                      |                 |                   | Tổng số |
|-----------|--|-------------------|------------------|----------------------|-----------------|-------------------|---------|
|           | Khoa học tự nhiên                                  | Khoa học kỹ thuật | Khoa học y, dược | Khoa học nông nghiệp | Khoa học xã hội | Khoa học nhân văn |         |
| 2011      | 4  | 3                 |                  | 1                    | 8               |                   | 16      |
| 2012      | 6  |                   | 1                |                      |                 |                   | 7       |
| 2013      | 2  | 5                 |                  | 2                    |                 |                   | 9       |
| 2014      | 2  | 3                 |                  | 1                    | 3               |                   | 9       |
| 2015      | 3  |                   | 2                | 1                    | 3               |                   | 9       |
| Tổng cộng | 17   | 11                | 3                | 5                    | 14              |                   | 50      |

Biểu 9: Tổng hợp các nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở

| Năm  | Số lượng các đề tài/dự án phân theo các lĩnh vực |                                |                 |                      |                 |                   | Tổng số |
|------|--|--------------------------------|-----------------|----------------------|-----------------|-------------------|---------|
|      | Khoa học tự nhiên                                | Khoa học kỹ thuật và công nghệ | Khoa học y dược | Khoa học nông nghiệp | Khoa học xã hội | Khoa học nhân văn |         |
| 2011 |  | 4                              |                 | 1                    |                 |                   | 5       |
| 2012 |  |                                | 3               | 2                    |                 | 1                 | 6       |
| 2013 |  | 1                              |                 | 1                    |                 |                   | 2       |
| 2014 |  |                                |                 | 1                    |                 |                   | 1       |
| 2015 |  |                                |                 | 1                    |                 |                   | 1       |

Biểu 10: Danh mục một số kết quả nghiên cứu triển khai nổi bật trong giai đoạn 2011 - 2015

| T | Tên kết quả   | Xuất xứ của kết quả (tên đề tài/dự án, cơ quan chủ trì)  | Quy mô, khối lượng sản phẩm tạo ra, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.  | Hiệu quả KT-XH  | Địa chỉ ứng dụng   |
|---|---|--|---|---|--|
| 1 | Hệ thống thiết bị sấy thăng hoa có công suất 50kg/mẻ, thử nghiệm đối với thịt gác | Tên nhiệm vụ: Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy sấy thăng hoa công suất 50 kg/mẻ, do Chi nhánh công ty | Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo hoàn chỉnh hệ thống thiết bị sấy thăng hoa công nghiệp có công suất 50kg/mẻ để sấy sản phẩm cụ thể là thịt gác. Hệ thống thiết bị sấy thăng hoa có công suất 50kg/mẻ đối với thịt gác.<br>- Máy sấy phải có tính thẩm mỹ, kết nối điện 3 pha, nước sạch và khí nén.<br>- Thông số công nghệ: Độ ẩm: 0° + - 20° trong chân không <4 torr (hoặc | - Chi phí vận hành tương đương với thiết bị cùng loại ở nước ngoài<br>- Giá | Chi nhánh công ty TNHH Minh Anh<br>Địa chỉ: 31/11 khu phố Hòa Long, phường Vĩnh Phú, |

|   |   |  |  |  |  |
|---|---|--|--|--|--|
|   |   | TNHH Minh Anh chủ trì.   | <0.006 atm)<br>- Được điều khiển tự động PLC<br>- Thời gian sấy và chất lượng sản phẩm sấy như sản phẩm được sấy của máy nước ngoài  | thành thiết bị rẻ hơn so với nước ngoài: ít nhất là ½ giá nước ngoài   | thị xã Thuận An, Bình Dương.   |
| 2 | Thiết kế, chế tạo lò sấy sử dụng năng lượng mặt trời công suất 40m <sup>3</sup> /m <sup>3</sup> sấy | Tên nhiệm vụ: Nghiên cứu thiết kế, chế tạo lò sấy sử dụng năng lượng mặt trời công suất 40m <sup>3</sup> cho sản phẩm gỗ và mây tre lá, do công ty TNHH kỹ nghệ nhiệt và môi trường CAXE chủ trì | - Thiết kế, chế tạo và lắp đặt lò sấy sử dụng năng lượng mặt trời công suất 40m <sup>3</sup> /m <sup>3</sup> sấy<br>- Xây dựng được 4 chế độ sấy và thiết lập 4 quy trình sấy theo 02 giải pháp (sấy NLMT và sấy kết hợp NLMT với hơi nước cho 02 sản phẩm gỗ keo lai và lục bình) | - Sấy NLMT giảm 50% giá thành sấy<br>- Thời gian thu hồi vốn với giải pháp sấy bằng NLMT (2 năm 3 tháng) so với sấy hơi nước 5 năm 6 tháng. Sấy kết hợp 4 năm. | Công ty TNHH kỹ nghệ nhiệt và môi trường CAXE Địa chỉ: 118/8 khu phố Tân Hòa, phường Đông Hòa, TX Dĩ An, Bình Dương. |

Biểu 11: Số liệu công tác quản lý công nghệ

| STT | Nội dung công việc                       | Số lượng | Các lĩnh vực công nghệ thẩm định   |
|-----|--|----------|--|
| 1   | Thẩm định dự án đầu tư                   | 36       | Nông nghiệp, may mặc, điện tử, cơ khí, môi trường...                               |
| 2   | Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ | 08       | Lắp đặt thiết bị, sản xuất phụ tùng ô tô, lắp ráp bề mặt, sản xuất hạt nhựa PVC... |
| 3   | Giám định công nghệ                      | 0        |  |

Biểu 12: Số liệu công tác quản lý an toàn bức xạ

| Nội dung  | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 | Tổng |
|---|----------|----------|----------|----------|------|
| Hướng dẫn khai báo cấp phép, chứng chỉ nhân viên bức xạ | 35       | 35       | 45       | 30       | 145  |
| Khai báo  | 6        | 3        | 1        | 0        | 10   |

|                                     |    |    |    |    |     |
|-------------------------------------|----|----|----|----|-----|
| Cấp chứng chỉ                       | 20 | 16 | 33 | 24 | 93  |
| Cấp phép tiến hành công việc bức xạ | 25 | 24 | 43 | 43 | 125 |

Bảng 13: Số liệu thống kê về sở hữu trí tuệ giai đoạn năm 2011 đến tháng 9/2014

| Stt | Nội dung công việc   | Số lượng   | Chi chú  |
|-----|--|------------|--|
| 1   | Số đơn đăng ký   | 2.930      | Về sáng chế: 31<br>Về giải pháp hữu ích: 18<br>Về kiểu dáng công nghiệp: 146<br>Về nhãn hiệu hàng hóa: 2.735 |
| 2   | Số văn bằng được cấp   | 2.093      | Về sáng chế: 1<br>Về giải pháp hữu ích: 1<br>Về kiểu dáng công nghiệp: 118<br>Về nhãn hiệu hàng hóa: 1.973   |
| 3   | Số ấn phẩm thông tin phát hành   | 32 bản tin |  |
| 4   | Số kỷ yếu 5 năm về kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghiệp tỉnh Bình Dương giai đoạn 2006-2010 | 01 kỷ yếu  |  |
| 5   | Số phim KH&CN  | 08 phim    |  |

Biểu 14: Số liệu về hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng

| STT | Nội dung công việc  | Số lượng, đơn vị tính |        |        |        | Ghi chú |
|-----|---|-----------------------|--------|--------|--------|---------|
|     |   | 2011                  | 2012   | 2013   | 2014   |         |
| 1   | Số lượng phương tiện đo được kiểm định  | 14,108                | 19,404 | 44,583 | 65,181 |         |
| 2   | Số lượng các phương tiện đo được hiệu chuẩn   | 4,171                 | 4,908  | 5,609  | 6,216  |         |
| 3   | Số lượng mẫu thử nghiệm   | 199                   | 699    | 218    | 802    |         |
| 4   | Hướng dẫn cho các doanh nghiệp, đơn vị hành chính nhà nước áp dụng HTQLCL tiên tiến | 38                    | 38     | 38     | 39     |         |

|   |   |                               |                               |                               |                               |
|---|---|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| 5 | Hướng dẫn công bố tiêu chuẩn cho các sản phẩm | 73 hồ sơ/25 lượt doanh nghiệp | 63 hồ sơ/26 lượt doanh nghiệp | 61 hồ sơ/29 lượt doanh nghiệp | 52 hồ sơ/29 lượt doanh nghiệp |
|---|---|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|

Biểu 15: Thống kê hoạt động thanh tra

Trong giai đoạn từ năm 2011-2015, Sở Khoa học và Công nghệ đã tiến hành thanh tra chuyên ngành theo kế hoạch tổng cộng 258 đơn vị, thanh tra chuyên đề đột xuất theo chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ tổng cộng 244 đơn vị. Qua thanh tra, phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính về các lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và an toàn bức xạ hạt nhân đối với 97 đơn vị với tổng số tiền phạt, truy thu và bán đấu giá phương tiện vi phạm hành chính là **1.039.077.860 đồng**.

| STT  | Nội dung  | Số lượng   | Ghi chú |
|--|---|--|---------|
| 01   | Số cuộc thanh tra   | 08   |         |
| 02   | Số đơn vị được thanh tra  | 502  |         |
| 03   | Số đơn vị vi phạm phát hiện và xử lý                              | 97   |         |
| 04   | Số tiền xử phạt   | 1.023.077.860<br>(bao gồm thu hồi gian lận thương mại về xăng, dầu với tổng số tiền là 438.062.656 đồng) |         |
| 05   | Số lượng các lô sản phẩm, hàng hóa lớn vi phạm và hình thức xử lý | Tịch thu, bán đấu giá 04 cột đo xăng, dầu thu hồi về cho ngân sách nhà nước tổng cộng 16.000.000 đồng.   |         |
| <b>Tổng số tiền phạt, truy thu và bán đấu giá: 1.039.077.860 đồng.</b> |   |  |         |

+ Số tổ chức, cá nhân đã thanh tra trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

| Năm  | Nội dung thanh tra          |  |        |      |                 |
|------|-----------------------------|--|--------|------|-----------------|
|      | Đề tài, Dự án, tổ chức KHCN | Tiêu chuẩn, QCKT, Đo lường, CLSPHH và SHTT | ATBXHN | CGCN | Giải quyết KNTC |
| 2011 | -                           | 112  | 43     | -    | -               |
| 2012 | -                           | 105  | 67     | -    | -               |
| 2013 | -                           | 81   | 21     | -    | -               |
| 2014 | 02                          | 52   | 21     | -    | -               |
| 2015 | -                           | -  | -      | -    | -               |



+ Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

| Năm  | Nội dung thanh tra          |  |              |      |                 |
|--|-----------------------------|--|--------------|------|-----------------|
|  | Đề tài, Dự án, tổ chức KHCN | Tiêu chuẩn, QCKT, Đo lường, CLSPHH và SHTT | ATBXHN       | CGCN | Giải quyết KNTC |
| 2011   | -                           | 10.565.000đ                                | 39.000.000đ  | -    | -               |
| 2012   | -                           | 734.242.656đ                               | 102.000.000đ | -    | -               |
| 2013   | -                           | 40.788.400đ                                | 55.000.000đ  | -    | -               |
| 2014   | 02                          | 17.481.804đ                                | 64.000.000đ  | -    | -               |
| 2015   | -                           | -  | -            | -    | -               |
| <b>Tổng số tiền phạt, truy thu và bán đấu giá: 1.039.077.860 đồng.</b> |                             |  |              |      |                 |

+ Số tổ chức, cá nhân đã kiểm tra trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

| Năm                 | Nội dung kiểm tra           |                  |                  |        |      |      |                 |
|---------------------|-----------------------------|------------------|------------------|--------|------|------|-----------------|
|                     | Đề tài, Dự án, tổ chức KHCN | Tiêu chuẩn, QCKT | Đo lường, CLSPHH | ATBXHN | CGCN | SHTT | Giải quyết KNTC |
| 2011                | -                           | -                | 71               | 41     | -    | -    | -               |
| 2012                | -                           | -                | 105              | 02     | -    | -    | -               |
| 2013                | -                           | 02               | 31               | -      | -    | -    | -               |
| 2014                | -                           | -                | 110              | -      | -    | -    | -               |
| 2015                | -                           | -                | -                | -      | -    | -    | -               |
| <b>Tổng số: 317</b> |                             |                  |                  |        |      |      |                 |